|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Theo OMS, thiếu máu khi lượng Hemoglobin giảm ở trẻ từ 6 tháng đến 6 tuổi như sau: |
| \* | Hb dưới 110g/l |
|  | Hb dưới 120 g/l |
|  | Hb dưới 100 g/l |
|  | Hb dưới 90 g/l |
| End |  |
| 002 | Theo OMS , thiếu máu khi lượng Hemoglobin giảm ở trẻ từ 6 tuổi đến 14 tuổi như sau |
|  | Hb dưới 90 g/l |
|  | Hb dưới 100 g/l |
|  | Hb dưới 110 g/l |
| \* | Hb dưới 120 g/l |
| End |  |
| 003 | Thiếu máu do yếu tố tạo máu bao gồm các bệnh sau **ngoại trừ:** |
|  | Thiếu máu thiêu sắt |
|  | Thiếu máu do thiéu vitamin B12 |
|  | Thiếu máu do thiếu protein |
| \* | Thiếu máu do thiếu Erythropoietin |
| End |  |
| 004 | Thiếu máu do mất máu cấp bao gồm các nguyên nhân sau **ngoại trừ:** |
|  | Chấn thương |
|  | Rối loạn quá trình cầm máu: giảm tiểu cầu , ưa chẩymáu. |
|  | Xuất huyết não màng não |
| \* | Thoát vị cơ hoành. |
| End |  |
| 005 | Thiếu máu huyết tán ở trẻ em nguyên nhân tan máu do bất thường về huyết sắc tố bao gồm những bệnh lý sau **ngoại trừ** |
|  | Bệnh α và β-Thalassemia. |
|  | Bệnh Hb E. |
| \* | Bệnh Minkowski-Chaufard |
|  | Bệnh HbS. |
| End |  |
| 006 | Thiếu máu huyết tán ở trẻ em nguyên nhân tan máu ngoài hồng cầu bao gồm những những nguyên nhân sau **ngoại trừ** |
|  | Bất đồng nhóm máu mẹ con ABO. |
|  | Nhiễm ký sinh trùng sốt rét |
|  | Nhiễm độc thuốc. |
| \* | Bệnh hồng cầu hình cầu. |
| End |  |
| 007 | Thiếu máu nhược sắc hồng cầu nhỏ với sắt huyết thanh giảm chúng ta có thể thấy trong trường hợp sau: |
|  | Thiếu máu do nhiễm trùng |
| \* | Thiếu máu huyết tán |
|  | Thiếu máu do rối loạn tổng hợp hem |
|  | Thiếu máu do nhiễm độc chì |
| End |  |
| 008 | Những yếu tố tạo thuận lợi cho sự hấp thụ sắt ở ruột non là. |
|  | Vitamin E |
| \* | Acide chlorhydrique |
|  | Vitamin B |
|  | Các phosphates. |
| End |  |
| 009 | Những nguyên nhân gây thiếu máu nhược sắc có sắt huyết thanh giảm ở trẻ bú mẹ sau 6 tháng thường gặp các trường hợp sau **ngoại trừ** |
|  | Đẻ đôi. |
|  | Đẻ non. |
| \* | Thalassemia |
|  | Mất sữa hoàn toàn |
| End |  |
| 010 | Trong thời kỳ bào thai, sắt được cung cấp vào những tháng sau: |
|  | 3 tháng đầu thai kỳ. |
|  | 3 tháng giữa thai kỳ |
| \* | 3tháng cuối thai kỳ |
|  | 2 tháng cuối thai kỳ. |
| End |  |
| 011 | Trong sữa mẹ lượng sắt trung bình trong 1 lít là: |
|  | 0,5 mg/l |
| \* | 1mg/l |
|  | 2mg/l |
|  | 3mg/l |
| End |  |
| 012 | Sự hấp thu sắt của ruột non đối sữa mẹ là: |
|  | 10% |
|  | 20% |
|  | 40% |
| \* | 50% |
| End |  |
| 013 | Trong lúc bệnh nhân bị xuất huyết thì lượng sắt cũng đã mất đi theo máu với tỉ lệ sau: |
|  | Cứ mất 3ml máu tương ứng mất 1 mg sắt. |
| \* | Cứ mất 2ml máu tương ứng mất 1 mg sắt. |
|  | Cứ mất 2ml máu tương ứng mất 2 mg sắt. |
|  | Cứ mất 4ml máu tương ứng mất 1 mg sắt. |
| End |  |
| 014 | Trong thiếu máu thiếu sắt, xét nghiệm máu có đặc điểm sau: |
|  | Thiếu máu đẳng sắc |
| \* | Lượng Hb giảm nhiều. |
|  | Số lượng bạch cầu giảm |
|  | Số lượng hồng cầu giảm nhiều. |
| End |  |
| 015 | Trong thiếu máu huyết tán, những xét nghiệm sau chứng tỏ có sự tăng sinh tuỷ xương **ngoại trừ** |
|  | Hồng cầu lưới tăng. |
|  | Tăng huyết hồng cầu trong tuỷ. |
|  | Tăng bạch cầu đa nhân trung tính và tiểu cầu. |
| \* | Tăng Haptoglobine. |
| End |  |
| 016 | Trong bệnh α-Thalassemia, gen α gồm. |
|  | 2 gen do nhiễm sắc thể 16 mang. |
| \* | 4 gen do nhiễm sắc thể 16 mang. |
|  | 2 gen do nhiễm sắc thể 18 mang. |
|  | 4 gen do nhiễm sắc thể 18 mang. |
| End |  |
| 017 | Khi điện di huyết sắc tố chúng ta thấy HbH có nghĩa là bệnh nhi bị α- Thalassemia với số gen bị tổn thương là: |
|  | 1 gen giảm |
|  | 2 gen giảm |
| \* | 3 gen giảm |
|  | 4 gen giảm. |
| End |  |
| 018 | Huyết sắc tố F (HbF) là huyết sắc tố bình thường của thời kỳ bào thai và có kí hiệu là: |
|  | α2β2 |
| \* | α2γ2 |
|  | α2δ2 |
|  | β2γ |
| End |  |
| 019 | Trong bệnh Cooley về sinh học, chúng ta thấy |
| \* | Có sự giảm sút chuỗi β từng phần hay toàn phần |
|  | Gia tăng HbE. |
|  | Thừa tương đối chuỗi β trong nguyên hồng cầu. |
|  | Thiếu máu nặng do giảm tiết Erythropoieine. |
| End |  |
| 020 | Thiếu máu do thiếu yếu tố tạo máu bao gồm các nguyên nhân sau **ngoại trừ:** |
|  | Thiếu máu thiếu sắt (phổ biến nhất) |
| \* | Thiếu máu thiếu Vitamin C, canxi |
|  | Thiếu máu thiếu axid folic, Vitamin B12 |
|  | Thiếu máu thiếu Protein. |
| End |  |
| 021 | Thiếu máu do giảm sản và bất sản tủy bao gồm các nguyên nhân sau **ngoại trừ:** |
|  | Giảm sinh nguyên hồng cầu đơn thuần |
|  | Suy tủy mắc phải, bẩm sinh. |
| \* | Thiếu hụt enzym hồng cầu. |
|  | Thâm nhiễm tủy, bệnh bạch cầu cấp. |
| End |  |
| 022 | Tan máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu, mắc phải gồm các nguyên nhân sau, **ngoại trừ**: |
|  | Bất đồng nhóm máu mẹ con Rh,ABO, tự miễn. |
| \* | Bệnh thiếu hụt enzym hồng cầu. |
|  | Sốt rét, nhiễm khuẩn máu. |
|  | Nhiễm độc thuốc như phenylhydrazin, thuốc sốt rét. |
| End |  |
| 023 | Thiếu máu thiếu sắt ở trẻ em thường xảy ra từ |
|  | 3 tháng tuổi |
|  | 4 tháng tuổi |
|  | 5 tháng tuổi |
| \* | 6 tháng tuổi |
| End |  |